

Số 33 /BC-THKQ

Kiến Quốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên trường Tiểu học Kiến Quốc
Năm học 2024- 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Kiến Quốc

2. Địa chỉ: Thôn 4, Kiến Quốc, Kiến Thuy, Hải Phòng

Điện thoại:

Địa chỉ trang email điện tử: thkienquoc@kienthuy.edu.vn

Địa chỉ công thông tin điện tử: thkienquoc.haiphong.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

b) Tầm nhìn

Trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên tự tin trong sự phát triển mở cửa của đất nước.

Trường Tiểu học Kiến Quốc luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình để trở thành ngôi trường tiên phong cho việc nâng cao chất lượng. Duy trì và phấn đấu trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, phấn đấu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

c) Mục tiêu

- Huy động toàn bộ đội ngũ CBGVNV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học - sáng tạo”; Tạo các mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường; chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt pháp luật - kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

- Phát triển đội ngũ CBGVNV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học

sinh; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

- Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “ Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong nhà trường; hạn chế học sinh lưu ban, không có học sinh bỏ học; xây dựng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, NGLL để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

- Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực CNTT, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý.

- Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

- Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Kiến Quốc được thành lập năm 1994 . Trải qua 31 năm xây dựng và trưởng thành, thầy và trò đã nỗ lực vượt khó vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đơn vị trường tiểu học Kiến Quốc được UBND thành phố, UBND huyện nhiều năm liền tặng thưởng cờ thi đua, bằng khen và giấy khen. Trường tiểu học Kiến Quốc liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tiên tiến xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hoàng Thị Thanh Bình

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số điện thoại: 0914925496

Email: hoangthithanhbinh90@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Số 158/QĐ-UB ngày 10/8/1994.

b) Quyết định thành lập Hội đồng trường: Số 3419/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023.

c) Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo

- Hiệu trưởng: Hoàng Thị Thanh Bình

QĐ số 3812/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Thanh

QĐ số 3734/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng nhiệm vụ của nhà trường.

- Vị trí, chức năng: Trường Tiểu học Kiến Quốc là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách...

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

- Cơ cấu tổ chức:

Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP HCM.

Về chuyên môn: Có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

8. Các văn bản khác:

- Quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường; Nghị quyết hội nghị CBVCNLD, nhân sự, tài chính;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025					So sánh tăng giảm	
	Số lượng (theo VTVL)		Trình độ			Số lượng (theo VTVL)		Trình độ				
	Vị trí	Số lượng	ĐH	CD	TC	Vị trí	Số lượng	Th.S	ĐH	CD		TC
1	CBQL	2	0	2		CBQL	2	0	2			
2	Giáo viên	34	0	34		Giáo viên	35	0	36			+2
3	Nhân viên	2	1			Nhân viên	2	1			1	

Số liệu của 3 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	36	34	35
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,38	1,31	1,35
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	36/1022	34/954	35/946
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	10	5	6
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và tương đương	4	4	4

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích toàn trường: 6156 m². Bình quân: 6,5 m²/1 học sinh

2. Số lượng, hạng mục khối phòng chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt, nhà ăn, nhà bếp, kho; hạ tầng kỹ thuật.

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025		So sánh tăng giảm
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân	
I	Số phòng học/số lớp	26/26	1/1	26/26	1/1	
II	Số lượng, hạng mục các phòng					
1	Phòng học kiên cố	26		26		
2	Phòng học bán kiên cố	0		0		
3	Phòng hành chính quản trị (Văn phòng, Hiệu phó, Hiệu trưởng)	3		3		
	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3000		3000		
	Tổng diện tích các phòng					
1	Diện tích phòng học (m ²)	1382		1382		
2	Diện tích thư viện (m ²)	24		24		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0		0		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0		0		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0		0		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	0		0		
7	Diện tích phòng thiết bị GD (m ²)	0		0		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0		0		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	22		22		
10	Nhà bếp, nhà ăn (m ²)	0		0		

11	Nhà kho (m ²)	0	0	
KHỐI PHỤ TRỢ, HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1	Nhà vệ sinh đạt chuẩn			
	- Dành cho Giáo viên	2	2	
	- Dành cho học sinh (nam/nữ)	2	2	
2	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	Có	
3	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	Có	
4	Kết nối internet	Có	Có	
5	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	Có	
6	Tường rào xây	có	có	

c) Số thiết bị dạy học hiện có

TT	Năm học 2023-2024: (Đơn vị tính: bộ)			Năm học 2024-2025: (Đơn vị tính: bộ)			So sánh tăng giảm
	Nội dung	Số lượng	Số bộ/lớp	Nội dung	Số lượng	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9	9 bộ/26 lớp	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9	9 bộ/26 lớp	
1.1	Khối lớp 1	5	6 bộ/5lớp	Khối lớp 1	5	6 bộ/5 lớp	
1.2	Khối lớp 2	1	1 bộ/5 lớp	Khối lớp 2	1	1 bộ/6 lớp	
1.3	Khối lớp 3	1	1 bộ/5lớp	Khối lớp 3	1	1 bộ/5 lớp	0
1.4	Khối lớp 4	1	1 bộ/5 lớp	Khối lớp 4	1	1 bộ/5 lớp	0
1.5	Khối lớp 5	1	1 bộ/5 lớp	Khối lớp 5	1	1 bộ/5 lớp	0
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	21		Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	21		0
1	Khối lớp 1	0		Khối lớp 1	0		0
2	Khối lớp 2	6		Khối lớp 2	6		0
3	Khối lớp 3	5		Khối lớp 3	5		0
	Khối lớp 4	5		Khối lớp 4	5		0

4							
5	Khối lớp 5	5		Khối lớp 5	5		3
	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (bộ)	18			23		+5
	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp			Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	26	26/26		26	26/26	0
2	Máy trợ giảng	0			0		0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0			0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01			01		0
5	Máy soi	26			26		0

d) Danh mục Sách giáo khoa, xuất bản phẩm sử dụng trong nhà trường
- Danh mục SGK được UBND thành phố phê duyệt.

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết, Hoàng Hòa Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tinh	Nhà xuất bản ĐHSP	Cánh điều
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy, Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
4	Tự nhiên xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn, Bùi Phương Nga, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Mĩ thuật 1	Phạm Văn Tuyên, Nguyễn Thị	NXB Đại học	Cánh điều

		Đông, Phạm Đình Bình, Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	Sư phạm	
7	HD trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiếp, Ngô Quang Quế.	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
8	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang, Nguyễn Công Trường.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
9	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Tiếng Anh 1 (I-learn Smart Start)

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh, Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tinh.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
2	Toán 2	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
3	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường.	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
4	Tự nhiên xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn, Bùi Phương Nga, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền.	Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp, Phạm Đông Đức, Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh.	Đại học Sư phạm	Cánh điều
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Hải Kiên, Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền.	Đại học Sư phạm	Cánh điều

8	HD trải nghiệm 2	Nguyễn Dục Quang, Phạm Quang Tiệp, Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	DHSP Thành phố HCM	Cánh điều
9	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXB DHSP Thành phố HCM	Tiếng Anh 2 (i-Learn Smart Start)

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết, Hoàng Hoà Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Chu Thị Thuý An, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tinh.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
		Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết, Hoàng Hoà Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Chu Thị Thuý An, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tinh.		
2	Toán 3	Đỗ Đức Thái, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm TPHCM	Cánh điều
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đỗ Tất Thiên, Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thi.	NXB Đại học Sư phạm TPHCM	Cánh điều
4	Tự nhiên xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn, Bùi Phương Nga, Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
5	Tin học 3	Hồ Sĩ Đàm, Nguyễn Thanh Thuý, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thuý.	NXB Đại học Sư phạm TPHCM	Cánh điều
6	Công nghệ 3	Nguyễn Trọng Khanh, Hoàng Đình Long, Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
7	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp, Nguyễn Hữu Hùng, Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
8	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nam	
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Đông, Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	NXB Giáo dục Việt Nam	Cánh điều
10	HD trải nghiệm 3	Nguyễn Dục Quang, Phạm Quang Tiệp, Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
11	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hường, Trần Bích Thủy.	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
		Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Vũ Trọng Đông, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yên		
2	Toán 4	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	NXB ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
4	Lịch sử và Địa lí 4	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều

		Trang Thanh.		
5	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
6	Tin học 4	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
7	Công nghệ 4	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh.	NXB ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
8	Giáo dục Thể chất 4	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	NXB Đại học Sư phạm	Cánh điều
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh điều
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quý.	NXB ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh điều
12	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
1.	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quý Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
		Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng CB), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.	Nam	
3.	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5.	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6.	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7.	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8.	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9.	Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
10.	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12.	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường: Nhà trường tự đánh giá hàng năm (Có báo cáo kèm theo).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 nhà trường tự đánh giá đạt cấp độ 1.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm: Có báo cáo kèm theo.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Công tác tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh của UBND huyện, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, trong đó có các nội dung chính:

a) Đối tượng tuyển sinh

- Trẻ sinh năm 2018 đang cư trú trên địa bàn xã Kiến Quốc và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 33, Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

- Sau khi tuyển hết học sinh có hộ khẩu hoặc tạm trú trên địa bàn xã Kiến Quốc, nếu còn chỉ tiêu thì tiếp tục xét tới đối tượng học sinh trái tuyển khác nếu có nhu cầu.

b) Điều kiện tuyển sinh

- Có đầy đủ hồ sơ theo quy định, bao gồm:

+ Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ (*mang theo bản chính để đối chiếu*);

+ Giấy tờ ưu tiên (nếu có): Giấy chứng nhận con thương binh, liệt sỹ; gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, con lực lượng vũ trang, học sinh diện khuyết tật,...

+ Giấy chứng nhận đã hoàn thành Chương trình giáo dục MN (nếu có)

c) Hình thức tuyển sinh

Việc tuyển sinh lớp 1 được thực hiện theo phương thức xét tuyển.

d) Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh hàng năm

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:

+ Triển khai thử nghiệm: Từ 10/6/2024 đến 24/6/2024 trên hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <https://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn> với tài khoản đã được cấp (gồm mã học sinh và mật khẩu);

+ Triển khai chính thức: Từ ngày 08/7/2024 đến ngày 20/7/2024.

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp - bổ sung: Từ ngày 22/7/2024 đến ngày 27/7/2024;

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Đầu năm học, nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục căn cứ công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường cấp tiểu học.

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Quyết định ban hành khung kế hoạch năm học phù hợp tình hình thực tế điều kiện phát triển kinh tế xã hội địa phương, đơn vị.

Kế hoạch giáo dục nhà trường được triển khai đến toàn thể CBGVNV và công khai nội dung trên website của trường để giáo viên căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục tổ, khối, môn học.

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

Đầu năm học, nhà trường ban hành Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh (Quy chế này được công khai trên trang website của nhà trường) với các nội dung:

- Phối hợp trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục, phối hợp tuyên truyền vận động đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

- Phối hợp trong xây dựng CSVC, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng, đại diện gia đình học sinh là Ban đại diện phụ huynh học sinh; đại diện các đoàn thể chính trị - Xã hội làm đại diện Cha mẹ học sinh.

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

Các hoạt động giáo dục trong trường tiểu học được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Các hoạt động giáo dục được tổ chức trong và ngoài lớp học nhằm hình thành phẩm chất, phát triển năng lực; giáo dục đạo đức lối sống; bồi dưỡng năng khiếu; hỗ trợ học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. Hình thức hoạt động giáo dục học sinh được tổ chức linh hoạt theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, trong đó học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp với sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên, đảm bảo mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

- Hoạt động giáo dục tổ chức trong và ngoài lớp học thông qua một số hình thức chủ yếu: học lý thuyết, thực hiện bài tập, thực hành, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án học tập, câu lạc bộ, tham quan, cắm trại, đọc sách, sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Thông tin về số học sinh

- Số học sinh các khối lớp:

Khối lớp	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025					Tăng giảm
	Số lớp	Số học sinh học 2 buổi/ngày		Diện khuyết tật		Số lớp	Số học sinh học 2 buổi/ngày		Diện khuyết tật		
		SL	Nữ	SL	Nữ		SL	Nữ	SL	Nữ	
1	6	183	92	3	1	6	184	93	2	0	+2
2	5	183	80	0		5	178	91	1	0	-5
3	5	195	90	3	0	5	183	80	0	0	-12
4	5	210	106	1	0	5	194	101	3	0	-16
5	5	184	68	2	0	5	209	105	2	1	+25
Cộng	26	955	446	9	1	26	948	470	8	1	-6

b) Kết quả triển thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT- BGD&ĐT năm học 2024 - 2025.

Môn học	Số số	HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	941	501	53,2	430	45,7	10	1,1
Toán	941	592	62,9	344	36,6	5	0,6
TNXH	542	315	58,1	224	41,4	3	0,6
Khoa học	399	234	58,6	165	41,4	0	0
LS - ĐL	399	224	56,1	175	43,9	0	0

STT	Khối	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học/CTH		Lên lớp		Rèn luyện hệ		HS khuyết tật	
			SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ
1	Khối 1	183	175	95,6	175	95,6	6	3,3	2	1,1
2	Khối 2	178	176	98,9	176	98,9	2	1,1	1	0,5
3	Khối 3	183	180	98,3	180	98,3	3	1,7	0	0

*** Hoàn thành chương trình lớp học**

Xếp loại chung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường
	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	SL	Ti lệ	
Hoàn thành xuất sắc	53	29,3	70	39,3	59	32,2	70	36,5	75	36,2	327
Hoàn thành tốt	18	9,9	14	7,9	16	8,7	10	5,2	15	7,2	73
Hoàn thành	104	57,5	92	51,7	105	57,4	114	58,3	117	56,6	530
Chưa hoàn thành	6	3,3	2	1,1	3	1,7	0	0	0	0	11

b. Kết quả chất lượng giáo dục cuối năm

Năng lực	Số lượng		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	941	64,4	295	31,3	2	0,2		
Tự chủ và tự học	941	57,9	61,5	35,7	37,9	5	0,5	
Giai quyết vấn đề và sáng tạo	941	51,5	54,7	41,8	44,4	8	0,9	
Năng lực đặc thù								
Ngôn ngữ	941	54,2	57,6	38,9	41,3	10	1,1	
Tính toán	941	60,2	64,0	33,5	35,6	4	0,4	
Khoa học	941	54,5	57,9	39,3	41,8	3	0,3	
Công nghệ	582	32,4	55,7	25,8	44,3	0	0	
Tin học	582	33,7	57,9	24,5	42,1	0	0	
Thăm mi	941	49,6	52,7	44,2	47	3	0,3	
Thế chất	941	62,8	66,7	31,3	33,3	0	0	

Phẩm chất	Số lượng		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	941	76,9	81,7	17,2	18,3	0	0	
Nhân ái	941	72,9	77,5	20,9	22,2	3	0,3	
Chăm chỉ	941	63,0	67	30,6	32,5	5	0,5	
Trung thực	941	70,3	74,7	23,5	25	3	0,3	
Trách nhiệm	941	60,7	64,5	33,0	35,1	4	0,4	

Tiếng Anh	941	54,9	58,3	38,7	41,1	5	0,5	
Công nghệ	582	32,0	55,0	26,2	45,0	0	0	
GD Thế chất	940	60,3	64,1	33,4	35,6	3	0,3	
Âm nhạc	941	41,1	43,6	52,6	56,0	4	0,4	
Mĩ thuật	941	48,0	51,0	45,8	48,7	3	0,3	
HD trải nghiệm	941	60,1	63,9	33,7	35,8	3	0,3	
Tin học	582	33,8	58,08	24,4	41,92	0	0	
Đạo đức	941	61,0	64,8	32,8	34,9	3	0,3	

4	Khối 4	193	192	100	192	100			3	3
5	Khối 5	209	207	100	207	100			2	2
Tổng		946	930	98.8	930	98.8	11	1.2	8	7

3. Khen thưởng HS cuối năm học

Xếp loại chung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
	SL	Tỉ lệ	SL	SL	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
HS xuất sắc	53	29,3	70	39,3	59	32,2	70	36,5	75	36,2	327	34,8
HS Tiêu biểu	18	9,9	14	7,9	16	8,7	10	5,2	15	7,2	73	7,8
Cháu ngoan BH	160	88,4	158	89,0	163	89,0	174	90,0	188	90,4	843	89,5
Khen cấp trên	2	1,1	1	0,6	5	2,7	9	4,7	11	5,3	28	3,0

(Khen cấp trên: 29 giải, trong đó 01 giải bơi cứu đuối em Nguyễn Sĩ Hoàng Long đã lên lớp 6)

- Tập thể lớp Xuất sắc: 8/26 lớp = 30,8 %

(1B đ/c Thủy; 2A đ/c Đ. Nga; 4C đ/c P. Thảo; 5D đ/c Thêu; 3D đ/c Liên; 5C đ/c Thảo; 4A đ/c H. Nga; 2C đ/c Đà).

- Tập thể lớp tiên tiến : 10/26 lớp = 38,5%

Khối 1: 1D đ/c Như, 1E đ/c Điệm

Khối 2: 2B đ/c Huyền, 2D đ/c Mai

Khối 3: 3C đ/c Dung, 3B đ/c Ng. Nga

Khối 4: 4D đ/c Tươi, 4B đ/c Huế

Khối 5: 5E đ/c P. Thanh; 5B đ/c Phúc

- Lớp chất lượng cao: 10/26 lớp = 38,5%

Khối 1: 1B đ/c Thủy, 1E đ/c Điệm

Khối 2: 2A đ/c Đ. Nga, 2C đ/c Đà

Khối 3: 3C đ/c Dung, 3D đ/c Liên

Khối 4: 4D đ/c Tươi, 4C đ/c P. Thảo

Khối 5: 5C đ/c Thảo a, 5D đ/c Thêu

* **Chất lượng vở sạch chữ đẹp.**

- Xếp loại A: 73,73% ; xếp loại B: 26,27%. So với năm học 2023-2024 tăng 0,73%.

- 5 lớp đạt 80% A trở lên : 2A đ/c Đ. Nga, 4C đ/c P. Thảo, 5D đ/c Thêu, 1B đ/c Thủy; 4A đ/c H. Nga.

- So với cùng kỳ năm học 2023 – 2024 có 5 lớp có tỉ lệ xếp loại A tăng trên 10%: 4C P. Thảo; 5E P. Thanh; 3A Lanh; 5C Thảo a, 3B Ng. Nga.

- Các lớp đạt từ gần 75 % A có tiến bộ hơn năm 2023 – 2024 gồm: 2E Châm; 3A Lanh; 3B Ng. Nga; 3E Thảo c; 5B Phúc; 5C Thảo a.

=> Khen thưởng 6 lớp có chất lượng VSCĐ từ 80% A trở lên và 2 lớp có % A tăng cao so với năm học 2023-2024: 1B đ/c Thủy; 2A đ/c Đ. Nga, 2E đ/c Châm; 4C P. Thảo, 4A H. Nga, 5D đ/c Thêu, 3A đ/c Lanh, 3E đ/c Thảo c.

* Khen các lớp có duy trì, có chút tiến bộ về phong trào vở học sinh, về chất lượng: 1A đ/c Lâm, 1C đ/c Chang, 5A đ/c Hoa, 2G đ/c Tuyết, 4E đ/c Hiếu.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo.
Các khoản thu và mức thu đối với người học: Công khai trên trang Website nhà trường.

Nội dung	Tồn năm trước	Thu (triệu đồng)	Chi (triệu đồng)	Tồn (triệu đồng)
I. Ngân sách cấp năm 2024		9.807,899	9.807,899	

- Dự toán		9.807,899	9.807,899	
- Quyết toán		9.807,899	9.807,899	
II. Các khoản thu, chi năm học 2024-2025		3.229,840	3.229,840	
1. Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ số 02/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố (NQ 08/2023/NĐ-HĐND)		1.965,960	1.965,960	
1.1. Quản lý học sinh ngoài giờ chính khóa		1.581,300	1.581,300	
1.2. Xe đạp		47,680	47,680	
1.3. Nước uống		85,220	85,220	
1.4. Hỗ trợ CSVN 2 buổi/ ngày		251,760	251,760	
2. Các khoản thu theo thỏa thuận		1.263,880	1.263,880	
2.1. Kỹ năng sống		280,800	280,800	
2.2. Tiếng anh yếu tố người nước ngoài		983,080	983,080	
3. Các khoản thu hộ, chi hộ		848,328		
Bảo hiểm Y tế học sinh		848,328	848,328	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nhà trường triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

- Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.
- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh.
- Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, quản trị nhà trường.
- Thực hiện tốt các phong trào thi đua trong toàn ngành.
- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục.
- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với 5 khối lớp; tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương; tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện

nhệm vụ năm học. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông, chú trọng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 trong năm học 2024-2025 nhất là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học; đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 5 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; chú trọng phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bảo đảm học sinh được học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và hướng đến thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Thành tích đạt được năm học 2024- 2025:

- Công tác phổ cập: Đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục cấp độ 3; số lượng huy động 100% HS vào lớp 1, duy trì sĩ số 100%; tổ chức điều tra, thống kê số liệu theo chương trình phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

- Kết quả Hội thi giao lưu năm học 2024-2025:

+ 14 học sinh đạt giải Giao lưu giải Toán-Tiếng Anh: 5 giải Ba, 9 giải Khuyến khích. (Khối 4: 2 giải B, 5 giải KK; Khối 5: 3 giải Ba; 4 giải KK)

+ Thi Sơn ca: 01 giải Khuyến khích cấp huyện

+ Thi kể sách: 01 giải Nhất cấp huyện.

+ Thi bơi cứu đuối: 2 huy chương bạc, 1 huy chương đồng cấp huyện

+ Vioedu: 4 huy chương đồng, 5 giải khuyến khích cấp thành phố.

- Tỷ lệ học sinh tham gia BHYT: 100%.

- 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, không có đơn thư khiếu kiện.

- Chi bộ Đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên: Tất cả giáo viên tích cực nhiệt tình học tập nâng cao trình độ chuyên môn 100% giáo viên tham gia thi giáo viên Giỏi cấp trường. Nhà trường đã triển khai các sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận cấp huyện tới tất cả giáo viên áp dụng để giáo viên áp dụng trong công tác giáo dục học sinh, giúp học sinh thích thú hơn với việc học tập, các em tự giác rèn đạo đức, phát triển nhiều năng lực của học sinh giúp các em phát triển toàn diện. Biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào trong cuộc sống. Trường có 16 sáng kiến được công nhận cấp huyện, trong đó có 4 sáng kiến đề nghị xét cấp thành phố

+ Kết quả đánh giá viên chức CBQL: Loại tốt: 2/2 đạt 100%.

+ Kết quả đánh giá viên chức GV, NV: Hoàn thành xuất sắc: 8/40 đạt 20 %; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 30/ 40 đạt 75%; Hoàn thành nhiệm vụ 2/40 đạt 5%;

+ Kết quả đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp: Xếp loại Tốt: 30/ 34 đ/c đạt 88,2%; Xếp loại Khá: 4/34 đ/c đạt 11,8 %;

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất: Năm học 2023-2024, trường đã bổ sung mới toàn hệ thống máy tính các phòng học; bổ sung bình phòng chống cháy nổ, trồng bổ sung nhiều cây bóng mát trong sân trường.

Bảng thống kê so sánh các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao:

TT	Các nội dung	Chỉ tiêu Nghị quyết	Kết quả thực hiện	So sánh
	Huy động HS ra lớp	Huy động 100%	Đạt 100%	- Đạt chỉ tiêu
	Duy trì số sô	100%	Đạt 100%	- Đạt chỉ tiêu
	Tham gia BHYT	100%	Đạt 100%	- Đạt chỉ tiêu
	HS HTCTTH	100%	Đạt 100%	- Đạt chỉ tiêu
	HSHTCTLH	100%	Đạt 98,9%	- Thấp hơn 1,1%
	HSHTXSNV	34,8%	Đạt 34,8%	- Đạt chỉ tiêu
	HS tiêu biểu, vượt trội	8,3%	Đạt 7,8%	- Thấp hơn chỉ tiêu 0,5%
	HS đạt giải các kỳ giao lưu	25 HS đạt giải	30 HS đạt giải	- Vượt chỉ tiêu 5 giải
	Giáo viên chủ	1 gv chủ nhiệm	1 gv chủ nhiệm	- Đạt chỉ tiêu

	nhiệm giỏi, GV dạy giỏi	giỏi cấp TP 10 GV giỏi cấp huyện	giỏi cấp TP 6 GVG cấp huyện	- Chưa đạt (Do giới hạn chỉ tiêu)
	Sáng kiến	-16 SK cấp huyện, 2 Sáng kiến cấp thành phố	- 16 SK cấp huyện, 4 Sáng kiến cấp thành phố	- Vượt chỉ tiêu chỉ tiêu
1	Công tác thi đua	Chi bộ HTXSNV. Tập thể LĐTT. 32 cá nhân đạt LĐTT, 6 cá nhân đạt CSTĐCS; 02 cá nhân tặng Bằng khen Đội TNTPHCM, Công đoàn vững mạnh.	Chi bộ HTXSNV. Tập thể LĐTT. 32 cá nhân đạt LĐTT, 6 cá nhân đạt CSTĐCS; 02 cá nhân được tặng Bằng khen. Đội TNTPHCM vững mạnh. Công đoàn được nhận giấy khen	- Tập thể hoàn thành chỉ tiêu. - Cá nhân hoàn thành chỉ tiêu

*** Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức Đảng**

Năm 2024: Chi bộ được đánh giá, xếp loại Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

*** Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được ghi nhận:**

- Năm học 2024- 2025: Tập thể lao động Tiên tiến.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Thanh Bình